TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 234/2023/DS-PT
Ngày: 02 – 3 - 2023
V/v "Tranh chấp đòi tài sản ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Giảng

Các Thẩm phán: Bà Đặng Huyền Phương

Bà Lê Thị Ngọc Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trương Nguyễn Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 590/DSPT ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 370/2022/DS-ST ngày 29-9-2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 432/QĐXXPT-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH F.

Địa chỉ: 50 đường số 4, KDC I, ấp A, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Trần Như L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 133Q, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Bị đơn: Ông Phạm Duy A, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: 54/58H đường C, Phường L, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trác Đức Ng, sinh năm 1997;

- Bà Lê Thị Xuân H, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: 50 đường số 4, KDC I, ấp A, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH F có đại diện hợp pháp theo ủy quyền là ông Trần Như L trình bày:

Ông Phạm Duy A làm việc cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn F (gọi tắt là Công ty F) từ năm 2017 với chức danh trưởng phòng kinh doanh, ông Phạm Duy A được quyền quản lý kênh bán hàng và thu tiền, sau đó nộp về công ty. Ngày 02/3/2021, ông Phạm Duy A tự ý nghỉ việc ngang không báo trước cho công ty biết, đồng thời chiếm giữ luôn số tiền hàng hóa bị đơn thu từ khách hàng là 82.829.700 đồng mà không nộp về công ty. Đây cũng là số tiền các đơn hàng mà bị đơn với chức danh là trưởng phòng đã yêu cầu 02 nhân viên là bà Trác Đức Ng và bà Lê Thị Xuân H làm phiếu xuất kho, nhận hàng giúp, sau đó chuyển cho bị đơn giao cho khách hàng. Trong đó, bà Trác Đức Ng giao hàng cho bị đơn trị giá 52.828.700 đồng, bà Lê Thị Xuân H giao hàng cho bị đơn trị giá 30.000.000 đồng, cả hai đều có xác nhận đã nhận đủ hàng của bị đơn qua tin nhắn điện thoại. Nguyên đơn xuất trình 02 hóa đơn thể hiện có việc bán 02 lô hàng hóa này. Nguyên đơn liên hệ với khách mua hàng và được xác nhận là bị đơn đã thu khoản tiền này nhưng hiện nay nguyên đơn không liên lạc được với khách mua hàng vì khách hàng là của ông Phạm Duy A, nguyên đơn không rõ địa chỉ nên không làm xác nhận khách đã nhận hàng của công ty được. Khi nghỉ việc, ông Phạm Duy A còn giữ tài sản của nguyên đơn là 01 máy tính xách tay hiệu Asus Ux333F Notebook trị giá 14.000.000 đồng mà ông được công ty trang bị để phục vụ công việc. Ngoài ra, ông Phạm Duy A còn nợ nguyên đơn số tiền tạm ứng mà chưa trả lại là 368.037.570 đồng. Trong đó, số tiền 250.000.000 đồng cá nhân bị đơn mượn riêng của công ty thông qua hình thức tạm ứng theo phiếu chi ngày 19/11/2020, bị đơn có ký xác nhận và không liên quan gì đến vợ bị đơn; số tiền 118.037.570 đồng là khoản chi phí kinh doanh mà bị đơn còn nợ công ty theo sổ chi tiết tài khoản theo đối tượng lập ngày 12/6/2020 bị đơn tạm ứng 176.726.570 đồng và sau đó, bị đơn trả lại nguyên đơn 58.689.000 đồng theo phiếu thu ngày 11/8/2020 nên số nợ còn 118.037.570 đồng.

Sau khi ông Phạm Duy A nghỉ việc, Công ty F nhiều lần liên lạc với ông để yêu cầu ông hoàn trả các tài sản nêu trên cho công ty nhưng bị đơn không có thiện chí. Hành vi của bị đơn gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn.

Công ty F khởi kiện, yêu cầu ông Phạm Duy A phải hoàn trả cho nguyên đơn một máy tính xách tay hiệu Asus Ux333F Notebook trị giá 14.000.000 đồng và số tiền 464.867.270 đồng, trong đó số tiền 368.037.570 đồng do bị đơn tạm ứng của nguyên đơn mà chưa hoàn trả, số tiền 82.829.700 đồng là tiền hàng hóa bị đơn đã thu từ khách hàng nhưng chưa nộp trả nguyên đơn.

Thời hạn thanh toán: Công ty F yêu cầu ông Phạm Duy A thanh toán một lần trong thời hạn từ ngày 30/9/2022 đến ngày 31/12/2022.

Bị đơn đề nghị nguyên đơn cấn trừ tiền hoa hồng bán hàng từ dự án SG máy nhồi, tủ xông khói, máy xay mịn năm 2020 vào số tiền bị đơn còn nợ, nguyên đơn không đồng ý đề nghị này của bị đơn vì giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận cấn trừ tiền hoa hồng từ dự án SG. Công ty F xác nhận có lập địa chỉ email ka.sales.manager.vn@f.asia.com cho ông Phạm Duy A làm việc. Sau khi bị đơn nghỉ việc ở công ty thì nguyên đơn đã xóa địa chỉ email này, không còn quản lý nữa nên nguyên đơn cũng không thể phục hồi được địa chỉ email này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty F rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông Phạm Duy A phải thanh toán số tiền 82.829.700 đồng là tiền hàng hóa bị đơn đã thu nhưng chưa nộp trả nguyên đơn.

Bị đơn ông Phạm Duy A trình bày:

Ông Phạm Duy A xác nhận có làm việc ở Công ty F từ năm 2017, đến cuối tháng 02/2021 ông gửi email cho công ty thông báo nghỉ việc sau khi làm xong dự án bán hàng của công ty. Lý do bị đơn nghỉ việc do nguyên đơn không ký hợp đồng lao động năm 2020. Ông Phạm Duy A xác nhận có mượn của nguyên đơn 250.000.000 đồng thể hiện qua phiếu chi ngày 19/11/2020 với lý do tạm ứng chi phí kinh doanh và ông trả bằng hình thức cấn trừ hoa hồng bán hàng, ông có gửi đề nghị này qua email cho công ty thông qua địa chỉ email do công ty lập và quản lý công ty trả lời email xác nhận đồng ý cho ông trả bằng hình thức cấn trừ hoa hồng bán hàng. Hiện nay, địa chỉ email này nguyên đơn đã khóa lại nên bị đơn không mở được. Bị đơn đề nghị nguyên đơn làm rõ nguồn gốc số tiền nợ 118.037.570 đồng. Tổng cộng 02 khoản trên là 368.037.570 đồng, bị đơn đề nghị nguyên đơn trừ bớt tiền nợ qua phần hoa hồng bị đơn được nhận từ dự án SG máy nhồi, tủ xông khói, máy xay mịn năm 2020 và phần thưởng tết 50%, liệt kê giúp số liệu để bị đơn hiểu rõ chỗ nào đúng chỗ nào sai. Dự án SG đã hoàn thành, lợi nhuận của nguyên đơn và hoa hồng cho khách đã chi đủ, nên sắp xếp trừ phần công sức của bị đơn đã làm cho nguyên đơn, doanh số gần 30 tỷ đồng trong năm 2020, lợi nhuận công ty yêu cầu chỉ 30% nhưng bị đơn luôn bán cao hơn là 32 % đến 33%, phần lợi nhuận bán cao hơn là 2% đến 3% đã gần 500 triệu đồng tiền dư, chưa bằng tiền bị đơn thiếu nguyên đơn, mà còn không được chi hoa hồng, trong khi kế toán đã xác nhận được nhận hoa hồng từ dự án đã xong.

Bị đơn xác nhận còn giữ máy tính xách tay hiệu Asus Ux333F Notebook của nguyên đơn. Bị đơn sẽ hoàn trả máy tính tại trụ sở Công ty F vào thời gian cụ thể bị đơn sắp xếp sau và trả bớt tiền nợ hàng tháng (vài triệu đồng/tháng, sau khi chi tiêu, trích một phần và trả), trả nhiều hơn vào cuối năm vì chỉ cuối năm mới có tiền thưởng, hoa hồng. Bị đơn sẽ trả 02 đến 03 lần cho hết nợ.

Đối với số tiền hàng hóa 82.829.700 đồng, số tiền này liên quan đến bà Trác Đức Ng và bà Lê Thị Xuân H cũng không rõ ràng nên nhờ nguyên đơn thông báo cho hai bà đến trao đổi trực tiếp. Bị đơn không làm việc với nguyên đơn, bị đơn sẽ làm việc với bà Trác Đức Ng và bà Lê Thị Xuân H về số tiền hàng hóa này. Quy định của Công ty F từ trước đến nay là hàng hóa xuất kho phải thanh toán đủ 100% trước khi giao, nếu có khởi kiện thì bà Trác Đức Ng và bà Lê Thị Xuân H

sẽ khởi kiện trực tiếp vì nguyên đơn đã trừ lương và thưởng của họ, nếu họ thiếu hàng thì tìm hàng trả, không nên quy ra tiền.

Bị đơn đề nghị nguyên đơn mở lại địa chỉ email: ka.sales.manager.vn@f.asia.com để bị đơn tìm lại thông tin hoa hồng bị đơn được nhận từ dự án SG máy nhồi, tủ xông khói, máy xay mịn năm 2020.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trác Đức Ng trình bày:

Khoảng năm 2020, ông Phạm Duy A có yêu cầu mua hàng phụ tùng của Công ty F, đơn hàng QSP-LVS2005 trị giá 52.828.700 đồng. Bà Trác Đức Ng có xuất đơn hàng và giao hàng cho bị đơn theo thủ tục và sự đồng ý của Công ty F. Ông Phạm Duy A đã nhận hàng và có xác nhận qua tin nhắn zalo, có gửi hình ảnh hàng hóa để xác minh đang giữ hàng. Quá hạn thanh toán đơn hàng nhưng bị đơn vẫn chưa thanh toán hoặc trả hàng hóa lại cho nguyên đơn. Công ty F và bà Trác Đức Ng nhiều lần đòi hàng hóa nhưng ông Phạm Duy A không hợp tác và không có ý định trả tiền hoặc hoàn trả hàng hóa lại công ty.

Do bận việc cá nhân nên bà Trác Đức Ng vắng mặt tại các buổi làm việc và phiên tòa xét xử. Bà cam đoan lời khai trên là đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Xuân H trình bày:

Ngày 04/02/2021, theo yêu cầu của ông Phạm Duy A là đồng nghiệp cùng làm việc tại Công ty F, bà Lê Thị Xuân H có đóng gói 10 thùng kim bấm S735 để giao hàng cho khách trị giá 30.000.000 đồng. Sau đó, khách hàng cần gấp nên bị đơn chủ động đến công ty lấy hàng chuyển giao cho khách hàng và thu tiền từ khách hàng nhưng không về nộp lại cho công ty. Bà Lê Thị Xuân H liên tục nói bị đơn trả tiền để bà nộp lại công ty nhưng bị đơn mãi không trả. Ngày 26/02/2021, bà Lê Thị Xuân H nhắn tin nói bị đơn đưa tiền để bà nộp lại công ty, bị đơn hứa lên công ty đưa cho bà nhưng vẫn không đến. Ngày 27/02/2021, bà Lê Thị Xuân H nhắn tin đòi tiền hàng để nộp cho công ty nhưng bị đơn nói có việc đột xuất nên không đến công ty, bà yêu cầu bị đơn chuyển khoản. Ông Phạm Duy A không thực hiện chuyển khoản cho bà Lê Thị Xuân H mà chụp màn hình tài khoản của ông và nhắn cho bà là đã chuyển khoản nhưng rõ ràng là bà không nhận được và màn hình chụp cũng không chứa nội dung chuyển khoản. Sau đó, bà Lê Thị Xuân H có nhắn tin đòi mấy lần nhưng bị đơn vẫn không trả và chặn luôn tin nhắn zalo.

Do bận công việc không thể sắp xếp đến Tòa nên bà Lê Thị Xuân H xin được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử. Bà cam đoan lời khai trên là đúng sự thật.

Bản án dân sự sơ thẩm số 370/2022/DS-ST ngày 29-9-2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 177, Điều 203, Điều 217, Điều 218, Điều 219, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều Điều 164, Điều 166, Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn F.

- Buộc ông Phạm Duy A phải có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn F số tiền nợ là 368.037.570 đồng *(Ba trăm sáu mươi tám triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi)* đồng và một máy tính xách tay hiệu Asus Ux333F Notebook.

Thời hạn thanh toán: Ông Phạm Duy A phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn F làm một lần trong thời hạn từ ngày 30/9/2022 đến ngày 31/12/2022.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đến hạn thanh toán trên mà ông Phạm Duy A chưa thanh toán hết số nợ nêu trên và trả một máy tính xách tay hiệu Asus Ux333F Notebook cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn F thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn F được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền bị đơn còn nợ và một máy tính xách tay hiệu Asus Ux333F Notebook bị đơn còn giữ để thu hồi trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn F.

2- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn F về việc buộc ông Phạm Duy A trả số tiền 82.829.700 (Tám mươi hai triệu tám trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm) đồng.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn F được chấp nhận nên ông Phạm Duy A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.401.878 (Mười tám triệu bốn trăm linh một nghìn tám trăm bảy mươi tám) đồng đối với khoản tiền ông Phạm Duy A phải trả cho nguyên đơn là 368.037.570 đồng, án phí không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng ông Phạm Duy A phải chịu đối với nghĩa vụ bị đơn phải trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn F một máy tính xách tay hiệu Asus Ux333F Notebook.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn F được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.297.346 (Mười một triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi sáu)

đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0047126 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần kháng cáo và thủ tục thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 30/10/2022, bị đơn ông Phạm Duy A có đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 370/2022/DS-ST ngày 29-9-2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm xem xét việc bị đơn không tham gia phiên tòa sơ thẩm do đang công tác tại Huế vào thời điểm bão lũ; cần làm rõ khoản nợ 176.726.570 đồng; khoản hoa hồng 185.567.760 đồng và thưởng tết 48.455.336 đồng đã mail xác nhận mà không cấn trừ vào khoản ứng 250.000.000 đồng. Lý do kháng cáo: Nguyên đơn không thực hiện phần hoa hồng đã xác nhận cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, phân tích nhận định về nội dung kháng cáo, đã nhận xét và đề nghị như sau:

- Về tố tụng: Giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự được đảm bảo để thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo qui định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn được thực hiện đảm bảo đúng quy định về thời hạn và thủ tục kháng cáo. Thẩm quyền giải quyết vụ án sơ thẩm đã xác định đúng, đã đưa đủ và xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng. Việc thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả một máy tính xách tay hiệu Asus Ux333F Notebook trị giá 14.000.000 đồng và số tiền 464.867.270 đồng, trong đó gồm 368.037.570 đồng do bị đơn nợ tạm ứng và 82.829.700 đồng là tiền hàng hóa bị đơn đã thu từ khách hàng nhưng chưa nộp.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút lại phần yêu cầu 82.829.700 đồng là tiền hàng hóa bị đơn đã thu từ khách hàng nhưng chưa nộp. Án sơ thẩm đã đình chỉ việc xét xử đối với phần yêu cầu này là đúng pháp luật. Đối với yêu cầu bị đơn trả một máy tính xách tay hiệu Asus Ux333F Notebook, bị đơn thừa nhận đang nắm giữ tài sản này của nguyên đơn và không kháng cáo nên nội dung liên quan phần này tại bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn về việc bị đơn không tham gia phiên tòa sơ thẩm do đang công tác tại Huế vào thời điểm bão lũ: Theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án triệu tập lần thứ hai để các đương sự tham gia phiên tòa, nếu bị đơn vắng mặt thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ; Trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan mà vắng mặt thì Tòa án có thể hoãn phiên tòa. Trong vụ án này, Bị đơn đã được Tòa sơ thẩm triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt mà không thông báo lý do và không cung cấp tài liệu chứng minh cho lý do vắng mặt. Ngay cả trong trường hợp vắng mặt lần thứ hai có lý do thì việc hoãn hay tiếp tục mở phiên tòa xét xử cũng thuộc quyền của Hội đồng xét xử quyết định. Sơ thẩm không vi phạm về tố tụng như nội dung kháng cáo của bị đơn.

[5] Về kháng cáo của bị đơn nội dung nguyên đơn chưa trừ khoản tiền hoa hồng 185.567.760 đồng và tiền thưởng tết 48.455.336 đồng mà bị đơn phải được hưởng nên phải cấn trừ vào khoản ứng 250.000.000 đồng cho bị đơn: Xét thấy, căn cứ chứng từ tài liệu do nguyên đơn cung cấp, có cơ sở xác định về khoản nợ mà bị đơn còn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn là 368.037.570 đồng (gồm số tiền 250.000.000 đồng cá nhân bị đơn tạm ứng theo phiếu chi ngày 19/11/2020 và số tiền 118.037.570 đồng là khoản chi phí kinh doanh mà bị đơn còn nợ công ty theo sổ chi tiết tài khoản), đây là nghĩa vụ còn phải thực hiện của bị đơn đối với khoản tài chính phát sinh này.

Riêng khoản tiền hoa hồng và tiền thưởng tết mà bị đơn kháng cáo yêu cầu phải đối trừ, xét đây là khoản chi khác (nếu có) nhưng quá trình tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm, bị đơn không có yêu cầu phản tố để đối trừ nghĩa vụ. Các khoản tiền này sơ thẩm không giải quyết là đúng pháp luật vì không có yêu cầu của đương sự theo quy định. Bị đơn có thể yêu cầu, khởi kiện bằng một vụ kiện khác đối với các khoản tiền này, theo quy định của pháp luật.

[6] Án sơ thẩm đã giải quyết yêu cầu của đương sự phù hợp với chứng cứ thu thập được và đúng pháp luật nên kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận và người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, như ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 164, Điều 166, Điều 356, Điều 357, Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 370/2022/DS-ST ngày 29-9-2022 của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Tuyên xử:

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn F.

- Buộc ông Phạm Duy A phải có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn F số tiền nợ là 368.037.570 đồng *(Ba trăm sáu mươi tám triệu không trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm bảy mươi)* đồng và một máy tính xách tay hiệu Asus Ux333F Notebook.

Thời hạn thanh toán: Ông Phạm Duy A phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn F làm một lần trong thời hạn từ ngày 30/9/2022 đến ngày 31/12/2022.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đến hạn thanh toán trên mà ông Phạm Duy A chưa thanh toán hết số nợ nêu trên và trả một máy tính xách tay hiệu Asus Ux333F Notebook cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn F thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn F được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành toàn bộ số tiền bị đơn còn nợ và một máy tính xách tay hiệu Asus Ux333F Notebook bị đơn còn giữ để thu hồi trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn F.

2- Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn F về việc buộc ông Phạm Duy A trả số tiền 82.829.700 (Tám mươi hai triệu tám trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm) đồng.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Phạm Duy A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 18.401.878 (Mười tám triệu bốn trăm linh một nghìn tám trăm bảy mươi tám) đồng và án phí không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn FPT F được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.297.346 (Mười một triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm bốn mươi sáu) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0047126 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí phúc thẩm: Ông Phạm Duy A phải chịu 300.000 đồng; Trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2022/0011954 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận Gò Vấp;
- THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng (T.20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Hồng Giảng